TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2019/DS -ST Ngày: 07- 10-2019. V/v**:** "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Mai Phú

2.Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

-Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn văn Chiến- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐ-ST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trần Như H, bà Nguyễn Thị Thủy T

Địa chỉ: 09 Đ, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thủy T ủy quyền cho ông Trần Như H (Văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019). Ông Trần Như H có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị N.

Địa chỉ: 11/2 T, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Trần Như H trình bày: Vợ chồng ông và vợ chồng ông T, bà N có quan hệ làm ăn với nhau. Trong quá

trình làm ăn, vợ chồng ông T, bà N có vay của vợ chồng ông số tiền 600.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 16/01/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 25/11/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 10/02/2015 vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng ông cần tiền sẽ báo trước cho vợ chồng ông T, bà N từ 15 ngày đến 01 tháng. Khi vợ chồng ông cần tiền báo trước cho vợ chồng ông T, bà N để vợ chồng ông T, bà N thu xếp trả nợ nhưng vợ chồng ông T, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Thanh T, bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 600.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông H, bà T số tiền 600.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 16/01/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 25/11/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng; ngày 10/02/2015. Chữ viết, chữ ký trong các giấy vay tiền nói trên là của vợ ông và của vợ chồng ông. Ông không biết vợ ông đã trả cho vợ chồng ông H, bà T số tiền nào chưa nên chưa chốt được số nợ. Ông sẽ về hỏi bà N về việc trả nợ cho ông H, bà T như thế nào và sẽ trình bày với Tòa án sau. Bà N được tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 600.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông bà Nguyễn Thanh T - Nguyễn Thị N được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử: Ông Trần Như H và bà Nguyễn Thị Thủy T khởi kiện, yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thi N có địa chỉ tại: Số 11/2 đường T, Phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền vay 600.000.000đ, nên xét quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Hợp đồng vay tài sản". Căn cứ, khoản 3, Điều 26, điểm a khỏan 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về yêu cầu của ông H, bà T yêu cầu bị đơn ông T bà N trả số tiền nợ 600.000.000đ (chứng cứ cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy vay tiền Ngày 16/01/2012 vay số tiền 200.000.000 đồng, T bà N cùng ký tên người vay; Giấy mượn tiền Ngày 25/11/2012 số tiền 200.000.000 đồng bà N ký tên người vay; Giấy mượn tiền 10/02/2015 vay số tiền 200.000.000 đồng bà N ký tên người vay). Xét thấy ông Nguyễn Thanh T thừa nhận vợ chồng ông có vay của

vợ chồng ông H, bà T số tiền 600.000.000 đồng đúng theo các giấy vay tiền nêu trên do vợ chồng ông H cung cấp. Tại phiên hòa giải ngày 26/8/2019 ông T khai không biết bà N đã trả cho vợ chồng ông H, bà T số tiền nào chưa nên chưa chốt được số nợ, sẽ hỏi bà N về việc trả nợ cho ông H, bà T như thế nào trình bày với Tòa án sau nhưng tòa án tiếp tục mời hòa giải nhưng không có mặt và không có ý kiến nào bằng văn bản phản hồi. Bà N không đến tòa và không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở, nên căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ôngTrần Như H, bà Nguyễn Thị Thủy T buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho vợ chồng ôngTrần Như H, bà Nguyễn Thị Thủy T số tiền 600.000.000 đồng.

[4]Theo các giấy vay tiền có thể hiện khi vay bà N có thế chấp giấy chứng nhận quầy sạp, ông H khai đã trả lại cho vợ chồng ông T bà N, ông T thừa nhận đã nhận lại các giấy tờ thế chấp khi vay tiền như ông H khai, hai bên không có tranh chấp nên không đề cập.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật,

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, 466 khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông bà Trần Như H, Nguyễn Thị Thủy T kiện vợ chồng ông bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị N tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

Buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông bà Trần Như H Nguyễn Thị Thủy T số tiền: 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2-Về án phí:

- Vợ chồng ông bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị N phải liên đới chịu 28.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông bà Trần Như H, Nguyễn Thị Thủy T số tiền tạm ứng án phí 14.000.000đ đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0012043 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

3- Ông bà Trần Như H, Nguyễn Thị Thủy T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông bà Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

. ***Nơi nhận*:**
-Toà án tỉnh
-Viện kiểm sát
-Thi hành án
- Đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký tên và đóng dấu

Đoàn Thị Tuyết Nga